TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/**2023/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 6 - 2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Ngoãn
2. Ông Trần Đức Hoà
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2023/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Vi Thị L; Sinh năm: 1984
Trú tại: thôn B, xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Bị đơn: ông Hồ Văn H; Sinh năm: 1985
Trú tại: thôn B, xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vi Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà Vi Thị L và ông Hồ Văn H tự nguyện chung sống năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2018 thì hai bên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai bên đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn. Bà L và ông H sống ly thân từ năm 2021 liên tục cho đến na. Bà L thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên bà L làm đơn đề nghị Tòa án B giải quyết được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Hoàng T, sinh ngày 06/10/2007 và Hồ Thị Phương N, sinh ngày: 09/12/2009. Nguyện vọng của bà L sau ly hôn bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà L không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

** Tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo tài liệu có trong hồ sơ ông H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông Hồ Văn H tự nguyện chung sống với bà Vi Thị L từ năm 2007 và đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bất đồng tình cảm. Do mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên ông H và bà L đã sống ly thân liên tục từ năm 2021 cho đến nay. Bà L yêu cầu ly hôn ông H đồng ý. Do điều kiện đi lại khó khăn nên ông H đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt ông trong quá trình giải quyết vụ án và đồng thời ông H đồng ý giải quyết vụ án tại Toà án huyện Bù Đăng.

Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Hoàng T, sinh ngày 06/10/2007 và Hồ Thị Phương N, sinh ngày: 09/12/2009. Nguyện vọng của bà L sau ly hôn bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thì ông H đồng ý.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Văn H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà L
- Về con chung: giao con chung Hồ Hoàng T, sinh ngày 06/10/2007 và Hồ Thị Phương N, sinh ngày: 09/12/2009 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết;
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Vi Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Hồ Văn H theo quy định. Bị đơn ông Hồ Văn H có nơi cư trú tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: Bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 2007. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2007 theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 15/3/2007. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bà L và ông H đã thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà L và ông H đã có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, ông bà thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Bà L và ông H thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian ly thân mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau, kinh tế hai bên độc lập. Như vậy, ông H và bà L đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn tin tưởng nhau, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữ ông H và bà L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nay bà L yêu cầu ly hôn, bị đơn ông H đồng ý nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Hoàng T, sinh ngày 06/10/2007 và Hồ Thị Phương N, sinh ngày: 09/12/2009. Nguyện vọng của bà L sau ly hôn bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông H đồng ý với yêu cầu của bà L nên cần giao cháu Hồ Hoàng T, sinh ngày 06/10/2007 và Hồ Thị Phương N, sinh ngày: 09/12/2009 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các bên.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu theo luật định.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị L về việc ly hôn.

Bà Vi Thị L được ly hôn với ông Hồ Văn H. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 15/3/2007 đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về con chung: Giao cháu Hồ Hoàng T, sinh ngày 06/10/2007 và Hồ Thị Phương N, sinh ngày: 09/12/2009 cho bà Vi Thị L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Vi Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000902 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Điểu Thị Hạnh